

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 06 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1969 (*có mặt*)

HKTT: ấp R G, xã Đ H A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang;

Chỗ ở hiện nay: Khu công nghiệp N X, Công ty T P - Xuyên Thới Sơn - Hóc Môn - thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Anh Võ Văn U, sinh năm 1970 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp R G, xã Đ H A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Võ Văn U kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và đã được UBND xã Đông Hưng A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014. Trong quá trình chung sống không hợp nhau về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vì không chịu nổi nên chị

T và các con đi làm thuê khoảng 10 năm nay. Chị T và anh U ly thân nhau từ khoảng tháng 09 năm 2020 cho đến nay.

- Về con chung: Chị T và anh U có 02 người con chung tên Võ Văn G, sinh ngày 10/9/1994, Võ Thị M, sinh ngày 16/01/1998, cả 02 người con chung đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp.

- Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ chị và anh U.

Nay chị T yêu cầu giải quyết như sau;

- Về tình cảm vợ chồng: Chị T xin được ly hôn với anh Trần Văn U.

- Về con chung: Các con chung đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ chị và anh U, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T xin được ly hôn với anh Trần Văn U; về con chung: Các con chung đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên chị T không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ chị và anh U, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại phiên họp hòa giải ngày 05/5/2021, bị đơn anh Võ Văn U trình bày:***

- Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, ly thân nhau, con chung, tài sản, nợ chung là đúng như lời trình bày của chị T.

Theo yêu cầu của chị T, anh U có ý kiến như sau:

- Về tình cảm vợ chồng: Anh U không đồng ý ly hôn với chị T;

- Về con chung: Các con chung đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ chị và anh U, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:*** Anh U vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh U; về con chung: Các con chung đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Không tranh chấp, nên không xem xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ngày 05/5/2021 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, do bệnh dịch Covid - 19 kéo dài đến ngày 08/3/2022 Tòa án Thông báo mở lại phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho anh U nhưng anh U vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử thống nhất hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên Tòa cho anh U nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Võ Văn U chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và đã được UBND xã Đông Hưng A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, dẫn đến hay cãi nhau và chị T, anh U đã ly thân nhau từ khoảng tháng 09 năm 2020 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2021, cho thấy: Trong quá trình chung sống chị T và anh U thường hay cãi nhau, gần đây anh U thường hay uống rượu và tham gia tệ nạn xã hội, vì vậy mà chị T ly thân với anh U.

Mặt khác, từ khi chị T nộp đơn xin ly hôn đến nay, anh U không có biện pháp hàn gắn với chị T, tại phiên tòa hôm nay chị T cương quyết xin được ly hôn với anh U. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh U không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nhất là đã ly thân trong thời gian dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh U.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy 02 người con chung của chị T và anh U tên Võ Văn G, sinh ngày 10/9/1994, Võ Thị M, sinh ngày 16/01/1998, đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh U không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Võ Văn U.

- *Về quan hệ con chung:* Các con chung của chị T và anh U đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh U không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0006263 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Trần Thị T biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Võ Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng A;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

